

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁP MƯỜI  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/02/2022

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình - ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thanh Minh Hiền.

Ông Lê Văn Vững.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Búp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 09/02/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 347/2021/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2021, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/01/2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Nguyễn Kim C, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Mỹ A, huyện Tháp M, tỉnh Đồng T.

**- Bị đơn:** Lê Văn V, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp 4, xã Mỹ Đ, huyện Tháp M, tỉnh Đồng T.

(Chị C có mặt tại phiên tòa, anh V có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Chị Nguyễn Kim C trình bày:** Chị và anh V quen biết nhau, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2009, đến năm 2010 vợ chồng chị đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Đ. Thời gian đầu vợ chồng sống bên nhà anh V ở xã Mỹ Đ, sau đó vợ chồng chị về bên cha mẹ ruột chị ở thị trấn Mỹ A sinh sống. Cuộc sống chung vợ chồng có hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do anh V không lo làm ăn, không quan tâm vợ, con cho nên vợ chồng

thường xuyên xảy ra cự cãi nên anh V bỏ về cha mẹ ruột sống từ năm 2019 đến nay, không còn tới lui và từ đó hai vợ chồng đã ly thân nhau đến nay.

Hiện nay, chị không còn tình cảm với anh V, nên yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Duy K, sinh ngày 18/6/2010, hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- Theo Tờ tự khai và biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ án, anh Lê Văn V trình bày:** Anh và chị C kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung vợ chồng có hạnh phúc. Đến năm 2019, do cuộc sống kinh tế khó khăn nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân nhau. Và chị C về nhà cha mẹ ruột sinh sống, anh có nhiều lần đến gặp để hàn gắn cuộc sống hôn nhân, cùng chăm sóc lo cho con nhưng chị C không đồng ý.

Hiện nay, anh còn tình cảm mong muốn chị C về sống chung nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Duy K, sinh ngày 18/6/2010, hiện đang sống cùng chị. Anh V yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Theo đơn khởi kiện, quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Lê Văn V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh V quen biết, tổ chức đám cưới năm 2009 và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đ, huyện Tháp M, tỉnh Đồng T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn năm 2010, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị C, vì chị cho rằng cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh V không lo làm ăn, không quan tâm vợ con, thường xuyên xảy ra cự cãi. Anh V bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2019 đến nay, không còn tới lui và vợ chồng chị đã ly thân nhau khoảng 02 năm. Hiện nay, không còn tình cảm với anh V.

Theo tờ tự khai của anh V trình bày, anh không đồng ý ly hôn với chị C. Trong cuộc sống hôn nhân, do kinh tế khó khăn trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân nhau, có nhiều lần hàn gắn nhưng không thành.

Hội đồng xét xử xét mâu thuẫn giữa chị C và anh V không tìm được giải pháp khắc phục để hòa giải hàn gắn tình cảm mà chọn cách sống ly thân, tình trạng quan hệ vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C.

[4] Về con chung: Chị C và anh V thống nhất có 01 con chung tên Lê Duy K, sinh ngày 18/6/2010, hiện đang sống cùng chị C. Anh V và chị C ai cũng có yêu cầu được nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng.

Nhưng hiện nay Duy K đã trên 07 tuổi và Duy K có nguyện vọng được sống cùng với chị C nên Hội đồng xét xử giao cháu Duy K cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị C phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Kim C được ly hôn với anh Lê Văn V.

2. Về con chung: Chị C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Duy K, sinh ngày 18/6/2010. Chị C không yêu cầu anh V cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị C phải nộp 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001606 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp M. Chị C đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND Tỉnh ĐT;
- VKSND cùng cấp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án. (M)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Mai**